

Quyết định hình phạt trong đồng phạm theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 – sửa đổi, bổ sung năm 2017

Phí Thành Chung^{1,*}, Phí Thị Thanh Nga²

¹Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, 43 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

²Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội

Nhận ngày 05 tháng 10 năm 2017

Chỉnh sửa ngày 25 tháng 11 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 12 năm 2017

Tóm tắt: Quyết định hình phạt trong đồng phạm có vai trò quan trọng trong giải quyết trách nhiệm hình sự đối với các vụ án phạm tội có nhiều người cùng cố ý tham gia thực hiện. Quyết định hình phạt đúng với mỗi người đồng phạm đảm bảo cho hình phạt thực hiện được mục đích đặt ra. Do đó, việc nghiên cứu về lý luận chế định quyết định hình phạt trong đồng phạm, đặc biệt là chỉ ra được các đặc điểm riêng biệt của quyết định hình phạt trong đồng phạm so với quyết định hình phạt trong trường hợp thông thường, từ đó đối chiếu với các quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015 – sửa đổi, bổ sung năm 2017 để có nhận thức toàn diện hơn về các lý luận và thực tiễn lập pháp của chế định này, đồng thời, tìm ra các vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện, bổ sung là rất cần thiết, nhất là khi Bộ luật hình sự năm 2015 – sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã được thông qua và chuẩn bị có hiệu lực thi hành.

Từ khóa: Đồng phạm, quyết định hình phạt, quyết định hình phạt trong đồng phạm, nguyên tắc xử lý, quyết định dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

1. Nhận thức lý luận về quyết định hình phạt trong đồng phạm

Quyết định hình phạt là hoạt động thực tiễn của Tòa án do Hội đồng xét xử thực hiện căn cứ vào các quy định pháp luật hình sự, trên cơ sở kết quả của hoạt động định tội danh để xác định biện pháp xử lý tương ứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của người phạm tội. Trong quyết định hình phạt, Tòa án quyết định miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình

phạt hoặc xác định khung hình phạt, quyết định loại và mức hình phạt hay biện pháp tư pháp thay thế hình phạt cụ thể được quy định trong luật hình sự để áp dụng đối với người phạm tội thể hiện trong bản án kết tội đối với họ [1, tr. 24].

Quyết định hình phạt trong đồng phạm phải tuân thủ các quy định chung về quyết định hình phạt bởi vì đồng phạm cũng chỉ là một hình thức phạm tội. Tuy nhiên, hình thức phạm tội do đồng phạm là một trường hợp phạm tội đặc biệt nên có những đặc thù riêng khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm:

Thứ nhất, quyết định hình phạt trong đồng phạm trên cơ sở hoạt động định tội danh đồng phạm.

*Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-982031186.

Email: phithanhchung@yahoo.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4117>

Quyết định hình phạt trong đồng phạm là giai đoạn tiếp theo của hoạt động định tội danh đồng phạm. Do đó, bắt buộc phải định tội danh đồng phạm đúng thì quyết định hình phạt trong đồng phạm mới chính xác.

Đối với các tội phạm đơn lẻ thì việc định tội danh chỉ là việc lựa chọn quy phạm pháp luật hình sự tương ứng để đối chiếu chính xác, đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội phạm được quy định trong quy phạm đó với các tình tiết thực tế để đưa ra kết luận về sự đồng nhất giữa tình tiết thực tế với cấu thành tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự. Trong trường hợp đồng phạm, cơ quan tiến hành tố tụng phải xác định được trong hành vi của người phạm tội có tất cả các dấu hiệu của tội phạm chung và các cơ sở trách nhiệm hình sự chung trong đồng phạm.

Cơ sở của việc định tội danh trong trường hợp đồng phạm chính là việc xác định sự phù hợp giữa hành vi của người phạm tội với cấu thành tội phạm đồng phạm. Trong đó, cấu thành tội phạm đồng phạm là sự kết hợp giữa các dấu hiệu của chế định đồng phạm được quy định tại Phần chung và các dấu hiệu của tội phạm cụ thể được quy định tại điều luật Phần các tội phạm Bộ luật hình sự. Ở đây, hành vi của người đồng phạm được xem xét không phải một cách độc lập mà ở dạng tổng thể các hành vi do những người đồng phạm khác thực hiện. Tất cả những hành vi đã được những người đồng phạm cùng thực hiện, những hậu quả có hại đã gây ra hoặc có thể gây ra bởi hành động chung của những người đồng phạm đều phải được xem xét để định tội danh đồng phạm. Đặc biệt cần quan tâm, chú ý hành vi của người thực hành bởi hành vi của người thực hành trong vụ đồng phạm là hành vi trung tâm và “chế định đồng phạm được biểu hiện bởi các yếu tố của các giới hạn trách nhiệm hình sự của từng người đồng phạm và tính chất của tội phạm do người thực hành thực hiện.”[2, tr. 110]

Thứ hai, quyết định hình phạt trong đồng phạm phải tuân thủ các nguyên tắc truy cứu trách nhiệm hình sự trong đồng phạm.

Để xác định trách nhiệm hình sự đối với từng người trong đồng phạm phải làm rõ ba vấn

đề: 1) Hành vi nguy hiểm cho xã hội mà những người đồng phạm cùng thực hiện có phải là tội phạm không và là tội phạm gì? 2) Việc cùng thực hiện tội phạm đó có phải là đồng phạm không? 3) Tính chất và mức độ để quy trách nhiệm hình sự đối với từng người đồng phạm.

Vấn đề thứ nhất và thứ hai đã được giải quyết trong giai đoạn định tội danh đồng phạm. Còn việc xác định tính chất và mức độ hành vi của người đồng phạm chính là cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự trong đồng phạm mà ở đó quyết định hình phạt lại là một khâu quan trọng. Vì vậy, quyết định hình phạt trong đồng phạm phải tuân thủ các nguyên tắc truy cứu trách nhiệm hình sự trong đồng phạm. Đây là các nguyên tắc có tính riêng biệt áp dụng trong trường hợp đồng phạm, bao gồm: nguyên tắc chịu trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm, nguyên tắc chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện vụ đồng phạm và nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự (TNHS) của những người đồng phạm.

- Nguyên tắc chịu trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm: Trong đồng phạm, tội phạm được thực hiện do sự nỗ lực hợp tác chung của tất cả những người tham gia. Hành động của mỗi người tham gia thực hiện tội phạm là hành động liên hiệp. Hành vi của mỗi người là một bộ phận, một khâu cần thiết trong hoạt động phạm tội chung thống nhất. Hành vi của người này là tiền đề, điều kiện cho hành vi của những người đồng phạm khác. Hậu quả của tội phạm là kết quả hoạt động chung của tất cả những người cùng tham gia đưa lại. Vì vậy, khi quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm phải tuân thủ nguyên tắc tất cả những người đồng phạm phải chịu trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm mà cả bọn gây ra, bị truy tố, xét xử về cùng một tội danh, theo cùng điều luật và trong phạm vi chế tài điều luật ấy quy định.

- Nguyên tắc chịu trách nhiệm độc lập về hành vi tham gia thực hiện tội phạm trong đồng phạm: Trong một vụ đồng phạm, mỗi người đồng phạm tuy phải chịu trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm mà họ cùng thực hiện, nhưng do nguyên tắc trách nhiệm cá nhân này mà khi quyết định hình phạt cho mỗi người phạm tội có

tổ chức phải dựa trên cơ sở hành vi cụ thể của mỗi người.

- Nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm: Những người tham gia tuy phạm cùng một tội nhưng tính chất và mức độ tham gia của mỗi người là khác nhau do đó tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của mỗi người cũng khác nhau. Do đó, việc xác định TNHS phải phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, phù hợp với những đặc điểm nhân thân người phạm tội.

Thứ ba, quyết định hình phạt trong đồng phạm có những căn cứ thể hiện tính chất đặc thù.

Các căn cứ quyết định hình phạt là những đòi hỏi mang tính nguyên tắc vì đó chính là những biểu hiện, những đòi hỏi của các nguyên tắc quyết định hình phạt. Nếu như các nguyên tắc quyết định hình phạt là những tư tưởng chỉ đạo, tư tưởng xuất phát xác định và định hướng hoạt động của Tòa án khi áp dụng chế tài luật hình sự đối với người phạm tội thì các căn cứ quyết định hình phạt là những đòi hỏi mà Tòa án phải dựa vào đó để quyết định hình phạt đúng pháp luật, công bằng, hợp lý đối với người phạm tội. Nghĩa là, khi quyết định hình phạt, Tòa án, một mặt, phải tuân theo những tư tưởng chỉ đạo (nguyên tắc) nhất định và mặt khác, phải dựa vào những đòi hỏi (căn cứ) nhất định mới có đầy đủ điều kiện để quyết định ở mức độ cao nhất một hình phạt có khả năng đạt được mục đích hình phạt.

Cụ thể hóa tư tưởng mang tính chỉ đạo đó, theo pháp luật hình sự, khi quyết định hình phạt đối với mọi trường hợp phạm tội Tòa án phải căn cứ: các quy định của Bộ luật hình sự (BLHS); tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đồng phạm với đặc điểm là một hình thức phạm tội đặc biệt, trong đó có nhiều người cùng cố ý thực hiện một tội phạm. Những người phạm tội phải chịu trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm, tuy nhiên, trách nhiệm hình sự của mỗi người đòi hỏi phải có sự phân hóa căn cứ

vào tính chất, mức độ tham gia vào việc phạm tội của những người phạm tội có tổ chức, nhân thân người phạm tội. Để có cơ sở cho việc quyết định hình phạt có tính phân hóa cho từng người đồng phạm, Tòa án không chỉ tuân thủ các quy định về các căn cứ quyết định hình phạt áp dụng cho mọi trường hợp phạm tội nói chung mà còn phải tuân thủ các quy định đặc thù áp dụng riêng cho trường hợp đồng phạm.

Căn cứ để phân hóa trách nhiệm hình sự trong đồng phạm để xác định hình phạt cho từng người đồng phạm là:

- Tính chất tham gia (vai trò đối với hoạt động của nhóm phạm tội);
- Mức độ tham gia (phần đóng góp thực tế vào quá trình thực hiện tội phạm);
- Mức độ lỗi;
- Các tình tiết về nhân thân có ý nghĩa đối với việc quyết định hình phạt. [3, tr. 100]

Từ những phân tích trên, có thể đưa ra định nghĩa quyết định hình phạt trong đồng phạm như sau:

Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm được Tòa án thực hiện sau khi định tội danh đồng phạm, căn cứ tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm, nhân thân người phạm tội, để quyết định miễn TNHS, miễn hình phạt hoặc xác định khung hình phạt, quyết định loại và mức hình phạt hay biện pháp tư pháp áp dụng đối với từng người đồng phạm và thể hiện trong bản án kết tội đối với họ.

2. Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 về quyết định hình phạt trong đồng phạm

Bộ luật hình sự năm 2015 được Quốc hội khóa 13, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015 gồm 26 Chương, 426 Điều, tăng 02 Chương và 72 Điều so với Bộ luật hình sự năm 1999, trong đó giữ nguyên 17 Điều, bãi bỏ 08 Điều, bổ sung mới 49 Điều; sửa đổi, bổ sung 362 Điều (trong đó có 65 điều chỉnh sửa về kỹ thuật, 58 điều được tách ra từ 24 điều của

BLHS năm 1999). Như vậy, hầu hết các điều khoản của Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung. Về cơ bản, Bộ luật hình sự năm 2015 đã thể hiện tư tưởng lập pháp mới, thể chế và mở rộng các quy định có tính nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong xử lý người phạm tội, tạo cơ sở pháp lý cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả trong tình hình mới.

Tuy nhiên, do có những sai sót về kỹ thuật và nội dung pháp lý gây khó khăn cho việc áp dụng pháp luật, ngày 29/6/2016, Quốc hội khóa 13 đã ban hành Nghị quyết về việc lùi hiệu lực của Bộ luật hình sự năm 2015. Sau gần 01 năm tiến hành sửa đổi, ngày 20/6/2017, Quốc hội khóa 14 đã chính thức thông qua Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015. Luật số 12/2017/QH14 đã sửa đổi bổ sung liên quan đến 202 Điều luật, gồm 23 Điều thuộc Phần Những quy định chung, 178 Điều thuộc Phần các tội phạm và 01 Điều thuộc Phần Điều khoản thi hành, trong đó có 63 Điều sửa đổi về kỹ thuật, 138 Điều sửa đổi về nội dung quy định trong các Điều khoản cụ thể và bãi bỏ 01 Điều (Điều 292), đồng thời, bổ sung 01 Điều (Điều 217a – Tội vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp).

Phạm vi sửa đổi, bổ sung của Bộ luật hình sự năm 2015 – sửa đổi, bổ sung năm 2017 có những quy định liên quan đến quyết định hình phạt trong đồng phạm. Cụ thể như sau:

- Thứ nhất, quy định về nguyên tắc xử lý (Điều 3): Bộ luật hình sự năm 2015 – sửa đổi, bổ sung năm 2017 nhìn chung không có sửa đổi lớn về chính sách hình sự đối với cá nhân, tuy nhiên, đã có bổ sung quy định hoàn toàn mới về nguyên tắc xử lý đối với pháp nhân thương mại phạm tội.

Các quy định sửa đổi, bổ sung đối với cá nhân chủ yếu về kỹ thuật, làm cho các quy định **rõ ràng hơn**, như: hợp nhất Khoản 1 và Khoản 2, đồng thời tách quy định Khoản 2 Điều 3 Bộ luật hình sự 1999 thành các điểm từ a đến g để quy định tập trung nguyên tắc xử lý đối với

người phạm tội tại Khoản 1 Điều 3 Bộ luật hình sự năm 2015 - sửa đổi, bổ sung 2017, dành khoản 2 để quy định nguyên tắc xử lý đối với pháp nhân thương mại phạm tội; **đầy đủ hơn**, như: sửa đổi Khoản 4 Bộ luật hình sự 1999 quy định đối với người bị phạt tù **nếu họ có nhiều tiền bạc** thì xét để giảm việc chấp hành hình phạt, thành điểm e Khoản 1 Điều 3 Bộ luật hình sự năm 2015 – sửa đổi, bổ sung 2017: **nếu họ có đủ điều kiện do Bộ luật này quy định**, thì có thể được xét giảm **thời hạn** chấp hành hình phạt, **tha tù trước thời hạn có điều kiện**; và **chính xác hơn**, như: bỏ điều kiện **đã hối cải** để người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao họ cho cơ quan, tổ chức hoặc gia đình giám sát, giáo dục; sửa cụm từ phân biệt **nam, nữ** thành phân biệt **giới tính**; sửa thuật ngữ **trại giam** thành **cơ sở giam giữ**... Bên cạnh đó, Bộ luật hình sự năm 2015 – sửa đổi, bổ sung 2017 cũng đã bổ sung mở rộng khoan hồng đối với không chỉ người tự thú mà cả với người đầu thú (điểm d Khoản 1), quy định nghiêm trị với người phạm tội cố ý gây hậu quả **đặc biệt nghiêm trọng** chứ không chỉ gây hậu quả **nghiêm trọng** như trong Bộ luật hình sự năm 1999.

Liên quan đến nguyên tắc xử lý trong trường hợp đồng phạm, Bộ luật hình sự năm 2015 – sửa đổi, bổ sung năm 2017 không có gì thay đổi, giữ nguyên các quy định: “Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy...”, “Nghiêm trị người phạm tội..., có tổ chức”, “Khoan hồng đối với người..., tổ giác đồng phạm”.

Đối với pháp nhân thương mại, Bộ luật hình sự năm 2015 – sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã lần đầu quy định các nguyên tắc xử lý tại Khoản 2 Điều 3, tương ứng với quy định mới về chủ thể tội phạm là pháp nhân thương mại trong Bộ luật hình sự. Tuy vậy, các quy định này cũng chỉ nhằm cá biệt, chuyển hóa nguyên tắc xử lý của người phạm tội cho pháp nhân thương mại phạm tội. Về pháp nhân thương mại trong đồng phạm, không có quy định thể hiện nguyên tắc xử lý như người đồng phạm nêu trên. Tuy nhiên, trong các trường hợp này, cơ quan áp dụng pháp luật vẫn phải áp dụng đường lối xử lý cho pháp nhân phạm tội như đối với

người phạm tội, bởi vì theo Điều 74: “Pháp nhân thương mại phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của Chương này (TG: *Những quy định đối với pháp nhân thương mại phạm tội*); theo quy định khác của Phần thứ nhất của Bộ luật này không trái với quy định của Chương này.”

- *Thứ hai, về quy định đồng phạm (Điều 17)*: Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 – sửa đổi, bổ sung 2017 gồm 4 khoản, tăng 01 khoản, trong đó, các khoản 1, 2, 3 chỉ sửa đổi về kỹ thuật lập pháp, sắp xếp các khoản, cụ thể là: sau quy định định nghĩa đồng phạm tại khoản 1 thì quy định phạm tội có tổ chức ngay tại khoản 2 và đến khoản 3 mới quy định về các loại người đồng phạm. Quy định này làm cho điều luật logic hơn, bởi vì phạm tội có tổ chức là một hình thức đồng phạm và cũng có các loại người đồng phạm như các trường hợp thông thường.

Khoản 4 bổ sung quy định: “Người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành.” Một trong những nguyên tắc quan trọng để xác định trách nhiệm hình sự là nguyên tắc lỗi, không ai phải chịu trách nhiệm về tội phạm mà không có lỗi của họ. Vì vậy, nếu người đồng phạm không có lỗi đối với hành vi vượt quá của người thực hành thì họ không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình sửa đổi Bộ luật hình sự năm 2015, cơ quan soạn thảo có bổ sung trong dự thảo quy định đồng phạm đối với pháp nhân thương mại tại Khoản 5: “Quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều này cũng được áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội.” nhằm khẳng định pháp nhân thương mại cũng có đồng phạm và áp dụng quy định về đồng phạm như của người phạm tội. Tuy nhiên, Bộ luật hình sự khi được thông qua đã không còn quy định này bởi vì đã có quy định tại Điều 74 Bộ luật hình sự.

Nghiên cứu về đồng phạm thấy rằng mặc dù đã bổ sung, khắc phục một số hạn chế của Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng Bộ luật hình sự năm 2015 – sửa đổi, bổ sung năm 2017 vẫn còn khá nhiều vấn đề chưa được quy định và sửa đổi, trong đó, có những vấn đề về phạm vi trách nhiệm hình sự, phân hóa trách nhiệm hình sự

trong đồng phạm... [4, tr. 17] Đây là những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu để hướng dẫn trong thời gian tới (Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 giao cho Tòa án nhân dân tối cao: Khi cần thiết, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử các điều, khoản, điểm khác trong Bộ luật Hình sự năm 2015).

- *Thứ ba, về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm (các Điều 50, 54, 58)*:

Bộ luật hình sự năm 2015 – sửa đổi, bổ sung năm 2017 giữ nguyên quy định về 04 căn cứ quyết định hình phạt chung: quy định của Bộ luật hình sự; tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự (Điều 50)¹; 02 căn cứ bổ sung quyết định hình phạt trong đồng phạm: tính chất của đồng phạm; tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm (Điều 58).

Bên cạnh đó, Khoản 2 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 – sửa đổi, bổ sung 2017 đã bổ sung thêm 01 căn cứ khi quyết định áp dụng hình phạt tiền là Tòa án phải căn cứ vào tình hình tài sản, khả năng thi hành của người phạm tội. Tuy nhiên, căn cứ này lại có nội dung trùng lặp, bởi vì Điều 35 đã có quy định: mức tiền phạt có xét đến tình hình tài sản của người phạm tội.

Đáng chú ý hơn cả trong các quy định mới về quyết định hình phạt trong đồng phạm là quy định về quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với người giúp sức trong đồng phạm. Cụ thể,

¹ Bộ luật hình sự 2015 – sửa đổi, bổ sung 2017 **bổ sung 06 tình tiết giảm nhẹ**: phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội; phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải lỗi của mình gây ra; người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng; người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng hoặc con của liệt sỹ; người phạm tội tố giác đồng phạm; **bổ sung 02 tình tiết tăng nặng**: phạm tội với người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức và dung thu đoạn tình vi phạm phạm tội; **xóa bỏ tình tiết tăng nặng** xâm phạm tài sản của Nhà nước.

Khoản 2 Điều 54 quy định: Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng **không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn** của điều luật đối với người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể. Đây là quy định tiến bộ và xuất phát từ thực tiễn xét xử.

Trong thực tiễn xét xử, đối với các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ thì theo quy định của Bộ luật hình sự 1999 Tòa án có thể được áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng không thấp hơn mức hình phạt thấp nhất của khung liền kề mà điều luật quy định. Tuy nhiên, cho dù áp dụng hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự 1999 thì mức hình phạt đối với bị cáo vẫn quá cao, không công bằng so với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc biệt đối với các bị cáo chỉ đóng vai trò rất hạn chế trong vụ án, tham gia phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt.

- Về quyết định hình phạt trong pháp nhân thương mại (Điều 83):

Như đã lập luận ở trên, pháp nhân thương mại cũng có thể tham gia vào vụ đồng phạm với vai trò là người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức nên có thể áp dụng chung căn cứ bổ sung về quyết định hình phạt trong đồng phạm (Điều 58), mặt khác, pháp nhân thương mại là chủ thể trách nhiệm hình sự với đặc điểm riêng cần có quy định riêng về căn cứ quyết định hình phạt.

Theo đó, Điều 83 cũng quy định 04 căn cứ quyết định hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội: quy định Bộ luật hình sự; tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; việc chấp hành pháp luật của pháp nhân thương mại; các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với pháp nhân thương mại. So với người phạm tội, căn cứ quyết định hình phạt đối với pháp nhân thương mại có 01 điểm khác là Tòa án phải căn cứ vào việc chấp hành pháp luật của pháp nhân thương mại vì pháp nhân thương mại không thể có nhân thân như người phạm tội. Đồng thời,

Điều 84, 85 cũng quy định những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng chỉ được áp dụng đối với pháp nhân thương mại để Tòa án căn cứ khi quyết định hình phạt cho trường hợp này.

Tóm lại, quy định về quyết định hình phạt trong đồng phạm theo Bộ luật hình sự năm 2015 – sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã khắc phục được chủ yếu là các hạn chế về kỹ thuật lập pháp của chế định này trong Bộ luật hình sự năm 1999. Điểm mới tích cực trong quy định này là đã ghi nhận đề xuất từ thực tiễn quy định cho phép quyết định dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt nhẹ hơn liền kề với người giúp sức, phạm tội lần đầu, có vai trò không đáng kể trong vụ đồng phạm. Tuy nhiên, nhìn từ góc độ lý luận, chế định quyết định hình phạt trong đồng phạm vẫn còn thiếu vắng nhiều quy định như: định nghĩa quyết định hình phạt và quyết định hình phạt trong đồng phạm, quy định phân hóa trách nhiệm hình sự giữa những người đồng phạm, quy định về nguyên tắc quyết định hình phạt trong đồng phạm, nhiều quy định cần thiết liên quan đến chế định đồng phạm...

Để tiếp tục hoàn thiện và tăng cường hiệu quả áp dụng quy định quyết định hình phạt trong đồng phạm thì trong thời gian tới vai trò hướng dẫn áp dụng và tổ chức thi hành các quy định pháp luật có ý nghĩa quan trọng, trong đó, cần quan tâm hướng dẫn, giải quyết các vướng mắc mới phát sinh từ thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử; nghiên cứu, phát triển án lệ về đồng phạm để tạo nhận thức và áp dụng thống nhất pháp luật trong quyết định hình phạt trong đồng phạm nói riêng và áp dụng pháp luật hình sự nói chung.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phí Thành Chung (2010), Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội có tổ chức, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Lê Văn Đệ, Định tội danh và Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam, Nxb Công an nhân dân, 2004.

[3] Nguyễn Ngọc Hòa (2001), Trách nhiệm hình sự và hình phạt, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

[4] Lê Văn Cẩm (2015), Nhận thức khoa học về Những quy định chung trong BLHS năm 2015, Tạp chí Kiểm sát, số 03.

Deciding Penalties in Cases of Complicity under the 2015 Penal Code (Amended in 2017)

Phi Thanh Chung¹, Phi Thi Thanh Nga²

¹*Hanoi City's People's Court, 43 Hai Ba Trung, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam*

²*The Regional Military Court of Hanoi Capital Region*

Abstract: Deciding penalties in cases of complicity plays an important role in determining penal liabilities in criminal cases of crimes intentionally committed by more than one person. Correct penalties decision with respect to each accomplice ensures the essential purpose of penalties. Therefore, it is necessary to conduct researches on legal reasoning with regard to deciding penalties in cases of complicity in order to specify distinctions between deciding penalties in these cases and that in normal cases; and on that basis, to compare them against relevant provisions in the 2015 Penal Code (amended in 2017) for more exhaustive awareness as well as identifying issues to be improved when the named code is soon to be in force.

Keywords: Complicity, deciding penalties, deciding penalties in cases of complicity, principles of settlement, deciding a penalty below the lowest level of the bracket